

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **143/2020/HC-PT**

Ngày: 21 - 7 - 2020

V/v: “*Khiếu kiện Quyết định thu hồi GCNQSD; Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện N; Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Long
Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt Cường
Ông Võ Ngọc Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thanh Thủy, Thư ký Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Lê Phước Thạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 108/2020/TLPT-HC ngày 16 tháng 01 năm 2020, về việc “*Khiếu kiện Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N; Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1142/2020/QĐ – PT ngày 30 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Nguyễn T - Sinh năm 1965;

Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Phạm Lý H1, Luật sư Văn phòng Luật sư P, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng; Có mặt.

**** Người bị kiện:***

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; Trụ sở: Số 52 đường H2, thành phố Q; Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi: Ông Phí Quang H3, chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi; Trụ sở: Số 163 đường H2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

Trụ sở: Thị trấn C, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đàm B - Phó Chủ tịch; Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; Trụ sở: Xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi;

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch UBND xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bà Phạm Thị V - sinh năm: 1971. Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Ông Nguyễn T1 - sinh năm: 1961. Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; Có mặt.

4. Ông Nguyễn Tấn Ng - sinh năm: 1964. Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; Có mặt.

5. Ông Nguyễn Khoa P1. Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; Vắng mặt.

6. Ông Lê Tấn S. Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; Vắng mặt.

7. Ông Huỳnh Tấn Đ1. Địa chỉ: Thôn T2, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi;

Vắng mặt.

*** Người kháng cáo:** Người khởi kiện - ông Nguyễn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện ngày 18/12/2018; đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/3/2019 và ngày 29/3/2019; bản tự khai và bản tự khai bổ sung và tại phiên tòa sơ thẩm người khởi kiện ông Nguyễn T trình bày:**

Từ năm 1992 gia đình ông đã khai hoang diện tích đất tại xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi để trồng mì và đào. Thực hiện Quyết định số 48/QĐ-UB ngày 07/9/2001 của UBND huyện N về việc cho phép Công ty TNHH M trồng rừng nguyên liệu trên địa bàn huyện N, gia đình ông đã nhận khoán trồng rừng chương trình đầu tư trồng rừng mới và được UBND xã H xác nhận. Gia đình ông và Công ty TNHH M ký hợp đồng khoán trồng rừng với hộ gia đình để tiến hành khai hoang, phát dọn thực bì, trồng và chăm sóc keo. Thực hiện dự án trồng rừng, gia đình ông được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 876174 ngày 24/7/2002 đối với thửa đất số 30 thuộc tờ bản đồ số 12 với diện tích 90.500m² đất tại xã H, huyện N.

Sau khi được cấp GCNQSDĐ gia đình ông đã hợp tác cùng ông Nguyễn T1, Nguyễn Tấn Ng để trồng keo lá tràm. Từ năm 2002, hộ gia đình ông cùng ông T1, ông Ng đầu tư rất nhiều chi phí khai hoang, vỡ hóa, trồng keo ổn định trên diện tích đất được Nhà nước giao và không có ai tranh chấp, lấn chiếm. Đến năm 2008, khi bắt đầu khai thác keo thì một số hộ dân trong xã H có thái độ hung hãn, kéo bè kết phái dùng vũ lực để chiếm đoạt đất của gia đình ông nhưng ông không dám chống cự và gửi đơn đến các cơ quan có thẩm quyền. Trong đó, có hộ ông Nguyễn Khoa P1, ông Lê Tấn S, ông Huỳnh Tấn Đ1 chiếm đất của gia đình ông với lý do đất của họ khai hoang, sử dụng thực tế nhưng họ không có bất cứ tài liệu, chứng cứ gì chứng minh là diện tích đất đó là do họ khai hoang.

Ngày 19/10/2017, UBND huyện N ban hành Quyết định 294/QĐ-UBND thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo công văn số 6095/UBND-NC của UBND tỉnh Quảng Ngãi đối với thửa đất số 130 thuộc tờ bản đồ số 12 với diện tích 90.500m² số U 876174 được UBND huyện N cấp ngày 24/7/2002 của gia đình ông.

Không đồng ý với Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 19/10/2017, ông làm đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND huyện N. Ngày 06/4/2018, Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 90/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại với nội dung không công nhận một phần diện tích đất đã cấp cho gia đình ông và công nhận một phần diện tích đất cho hộ đi chiếm đất của gia đình ông là ông Nguyễn Khoa P1 và lập thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông.

Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại số 90/QĐ-UBND ngày 06/4/2018 của Chủ tịch UBND huyện N ông làm đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 14/11/2018, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 2027/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông với nội dung “Không công nhận đơn của ông Nguyễn T khiếu nại Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 06/4/2018 của Chủ tịch UBND huyện N. Công nhận Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 06/4/2018 của Chủ tịch UBND huyện N là đúng pháp luật”.

Nhận thấy các Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giải quyết khiếu nại của UBND huyện N; Chủ tịch UBND huyện N; Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi là không đúng quy định của pháp luật và làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông. Do đó, ông đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:

- Hủy Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 của UBND huyện N, tỉnh Quảng Ngãi “Về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn T”.

- Hủy Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 06/4/2018 của Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Quảng Ngãi “về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn T”.

- Hủy Quyết định số 2027/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi “Về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn T”.

Ý kiến của ông Phạm Lý H1 - người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn T tại phiên tòa sơ thẩm:

Các Quyết định mà UBND huyện N, Chủ tịch UBND huyện N và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành là không đúng quy định của pháp luật. Vì những lý do sau đây:

- UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 30, tờ bản đồ số 12, diện tích 90.500 m², mục đích sử dụng: RTS tại xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi cho hộ gia đình ông Nguyễn T là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và đối tượng sử dụng đất. Vì hộ gia đình ông Nguyễn T là người khai hoang thửa đất trên từ năm 1992 sử dụng ổn định liên tục và không có ai tranh chấp.

- Tại Kết luận thanh tra số 1948/KL-UBND ngày 25/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi cũng đã kết luận nguyên nhân chủ yếu của việc sai sót là do UBND xã H, UBND huyện N đã không xem xét đầy đủ việc sử dụng đất thực tế của người dân trước đó, không thực hiện xử lý chặt chẽ về mặt pháp lý để kết thúc việc sử dụng đất thực tế của một số hộ dân dẫn đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng. Đây cũng chính là nguyên nhân từ chính quyền địa phương chứ không phải nguyên nhân từ hộ gia đình ông Nguyễn T.

- UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U876174 ngày 24/7/2002 cấp cho hộ ông Nguyễn T tại thửa đất số 30, tờ bản đồ số 12, diện tích 90.500 m², mục đích sử dụng: RTS tại xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi. Như vậy, thửa đất trên thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình ông Nguyễn T, đồng thời trong quá trình phát rẫy, trồng keo hộ gia đình ông còn hợp tác trồng keo với các ông Nguyễn T1, Nguyễn Tấn Ng. Tuy nhiên, các Quyết định thu hồi, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Quyết định giải quyết khiếu nại trên không đề cập đến hộ gia đình ông Nguyễn T và các thành viên hợp tác làm ăn với gia đình ông là có thiếu sót.

- Tại Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 của UBND huyện N về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông Nguyễn T căn cứ theo Công văn số 6095/UBND-NC ngày 03/10/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi là không đúng quy định của pháp luật. Mặc dù, sau đó trong quá trình giải quyết khiếu nại Chủ tịch UBND huyện N đã ban hành Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 06/4/2018 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn T (lần đầu) đã sửa đổi lý do thu hồi thành *“Thu hồi theo quy định tại điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ”*. Tuy nhiên, trước đây Thanh tra huyện N, UBND huyện N cũng đã có kết luận thanh tra trong đó không yêu cầu thu hồi đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông Nguyễn T nhưng Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 của UBND huyện N lại căn cứ vào Công văn số 6095/UBND-NC ngày 03/10/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi để thu hồi là không có căn cứ, vì đây không phải là văn bản có hiệu lực pháp luật của Nhà nước có thẩm quyền về giải quyết tranh chấp đất đai.

- Kết luận thanh tra số 1948/KL-UBND ngày 25/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi cho rằng, có một số hộ dân đã sử dụng đất thực tế đã tự phát và khai hoang là có thật. Nhưng do sai sót của các cơ quan tham mưu nên đã không xác định rõ tình trạng của người đang sử dụng đất, không ban hành quyết định thu hồi đất trước khi giao cho người khác sử dụng đất là trái quy định pháp luật đất đai, dẫn đến tranh chấp quyền sử dụng đất của các hộ dân, khiếu kiện kéo dài. Tuy nhiên, các hộ dân trên cũng không đưa ra bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh về việc sử dụng đất tại phần đất của ông Nguyễn T từ trước năm 1992. Do đó, việc công nhận hành vi lấn chiếm của các hộ dân ông Nguyễn Khoa P1, ông Lê Tấn S, ông Huỳnh Tấn Đ1 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của hộ gia đình ông Nguyễn T.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi hủy toàn bộ các Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 của UBND huyện N về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Công văn 6095/UBND-NC ngày 03/10/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 06/4/2018 của Chủ tịch

UBND huyện N về việc giải quyết của ông Nguyễn T (lần đầu); Quyết định số 2027/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn T (lần hai).

*** Tại văn bản trình bày ý kiến số 766/UBND ngày 04/6/2019 của người bị kiện UBND huyện N và Chủ tịch UBND huyện N tỉnh Quảng Ngãi trình bày:**

Hộ gia đình ông Nguyễn T được UBND huyện N giao đất, cấp GCNQSDĐ ngày 24/7/2002 thửa đất số 30, tờ bản đồ số 12, diện tích 90.500m². Trên cơ sở kết luận thanh tra số 1948 /KL-UBND ngày 25/4/2016 của chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao đất và cấp GCNQSDĐ lâm nghiệp cho 50 hộ dân trên địa bàn xã H vào các năm 2002, 2003 đã xác định việc một số hộ dân trước đây do nhu cầu sống đã tự phát khai hoang và sử dụng đất trong một số năm là có thật. Tuy nhiên do sai sót của các cơ quan tham mưu không xác định rõ tình trạng người sử dụng đất, không ban hành quyết định thu hồi đất trước khi giao đất cho người khác là trái qui định dẫn đến khiếu kiện kéo dài. Nên cần xem xét điều chỉnh để đảm bảo quyền lợi cho người sử dụng đất thực tế.

UBND huyện N đã chỉ đạo UBND xã H rà soát và xác định các hộ dân khác có sử dụng đất thực tế tại thửa 30, tờ bản đồ số 12 diện tích 90.500m² đã cấp cho hộ ông Nguyễn T. Đồng thời vận động giao nộp GCNQSDĐ theo chỉ đạo tại Thông báo số 124/TB-UBND nhưng ông T không đồng ý. Trên cơ sở chỉ đạo của UBND tỉnh, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 thu hồi GCNQSDĐ thửa đất số 30, tờ bản đồ số 12, diện tích 90.500m² do UBND huyện N đã cấp cho hộ ông Nguyễn T ngày 24/7/2002.

Không đồng ý với quyết định số 294/QĐ-UBND ông T khiếu nại đến chủ tịch UBND huyện N. Ngày 06/4/2018 Chủ tịch UBND huyện N ban hành quyết định số 90/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại đối với ông Nguyễn T.

- UBND huyện N đã ban hành Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 là đúng quy định của pháp luật theo tinh thần của Công văn 6095/UBND-NC ngày 03/10/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

- Việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện N tại Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 06/4/2018 là đúng với trình tự, thủ tục quy định của Luật khiếu nại năm 2011.

Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

***Tại văn bản trình bày ý kiến số 2436/UBND-NC ngày 17/5/2019 Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi:**

Nguồn gốc đất của hộ ông Nguyễn T được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trước năm 2000 phần lớn là đất chồi hoang hóa, không ai sử dụng và một phần nhỏ có đất của người dân địa phương trước đây có khai hoang để sản xuất (trồng hoa màu) nhưng vào thời điểm năm 1999-2000 đều bỏ hoang hóa nhưng không có cơ sở để khẳng định trong diện tích đất của hộ ông Nguyễn T thì diện tích của hộ nào có nguồn gốc khai hoang sử dụng trước năm 2000 chưa được xử lý, diện tích bao nhiêu.

Vào khoảng năm 2000, có chủ trương trồng rừng sản xuất UBND xã H đã đồng ý cho nhiều hộ dân ở địa phương tiến hành phát hoang hợp đồng với công ty TNHH M trồng keo và đề nghị UBND huyện N giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 39 hộ với 47 Giấy chứng nhận trong đó có hộ ông Nguyễn T. Tuy nhiên, trước khi giao đất UBND xã H và Phòng Địa chính (nay là Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện N) chưa tham mưu thu hồi diện tích đất của các hộ trước đây đã khai hoang, sản xuất là chưa đúng với quy định của Luật đất đai.

Việc giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân trên địa bàn xã H được Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kết luận số 1948/KL-UBND ngày 25/4/2018 và chỉ đạo của UBND huyện N tại Công văn số 6095/UBND-NC ngày 03/10/2017 trong đó ghi *“ban hành hủy Quyết định giao đất và thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho 14 hộ dân khu vực Hồ Nghệ, Hồ Thái, Hồ Hường xã H không đúng đối tượng... Trên cơ sở đó, UBND huyện N đã ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ đang sử dụng đất trong đó có hộ ông Nguyễn T, ông T đã có đơn khiếu nại và được Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định giải quyết, trong đó đã điều chỉnh nội dung căn cứ thu hồi và công nhận nội dung công dân khiếu nại đúng, bác nội dung khiếu nại không đúng. Qua xem xét nhận thấy việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện N đúng với trình tự, thủ tục theo quy định của Luật khiếu nại năm 2011.*

Từ thực tiễn diễn biến như trên UBND tỉnh nhận thấy ông Nguyễn T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi hủy Quyết định số 2027/QĐ- UBND ngày 14/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn T là không có cơ sở.

Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*** Tại văn bản trình bày ý kiến số 35/UBND ngày 27/5/2019 và tại phiên tòa UBND xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi trình bày:**

Năm 2000, Công ty TNHH M được UBND tỉnh Quảng Ngãi và UBND dân huyện N cho phép lập dự án và đầu tư trồng rừng tại địa bàn xã H, xã Hành Thuận, thị trấn C, huyện N tại Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 07/9/2001 của UBND

huyện N với diện tích 800 ha. Trong đó, tại xã H được trồng với diện tích rừng là 680 ha. Thời gian ban đầu các hộ dân trồng rừng ổn định, không phát sinh tranh chấp nhưng đến năm 2008, các hộ dân bắt đầu phát sinh tranh chấp với nhau. Quá trình giải quyết tranh chấp Chủ tịch UBND huyện N đã thành lập Đoàn kiểm tra xem xét và đã ban hành Kết luận thanh tra số 214/KL-UBND ngày 28/5/2009 về việc cán bộ, công chức, cá nhân thu gom đất trồng rừng tại xã H, huyện N; Kết luận thanh tra số 1927/KL-UBND ngày 29/12/2014 về một số nội dung theo đơn khiếu kiện đông người liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp tại xã H, huyện N; Kết luận thanh tra số 65/KL-UBND ngày 05/5/2015 về việc sử dụng đất rừng 388 tại xã H, huyện N; Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Kết luận thanh tra số 1948/KL-UBND ngày 25/4/2016 về giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho 50 hộ dân trên địa bàn xã H năm 2002, 2003. Trên cơ sở vụ án của ông Nguyễn T khiếu kiện các Quyết định của Chủ tịch UBND huyện N và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi, việc khiếu kiện của ông Nguyễn T là không có cơ sở. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*** Ý kiến của ông Nguyễn T1, ông Nguyễn Tấn Ng, bà Phạm Thị V trình bày:** Thống nhất với ý kiến và lời trình bày của người khởi kiện ông Nguyễn T tại phiên tòa.

*** Ý kiến của ông Nguyễn Khoa P1 trình bày:** Vào năm 1987 gia đình ông khai hoang diện tích khoảng 8.000 m² giáp ranh giới rừng già, có giới cận:

- Phía Đông giáp đất của ông Trần Phú.
- Phía Tây giáp đất của ông Lê Tấn S.
- Phía Nam giáp đất của ông Huỳnh Tấn Đ1.
- Phía Bắc giáp đường cái.

Tại địa danh Hồ Chò thuộc thôn T2, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi để làm ăn nuôi sống gia đình. Đến năm 2012, ông Nguyễn T tự ý phát rẫy của ông nên ông nhiều lần khiếu nại đến xã H, huyện N để đòi lại quyền lợi của ông nhưng không được giải quyết. Vậy nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử theo Kết luận số 1948/KL-UBND ngày 25/4/2018 và chỉ đạo của UBND tỉnh Quảng Ngãi tại Công văn số 6095/UBND-NC ngày 03/10/2017 trong đó ghi “*ban hành hủy Quyết định giao đất và thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho 14 hộ dân khu vực Hồ Nghệ, Hồ Thái, Hồ Hường xã H không đúng đối tượng...*” để ông có đất sản xuất. Ông đã nhiều lần đối thoại với ông Nguyễn T tại UBND xã H và UBND huyện N nên không yêu cầu Tòa án đối thoại và công khai chứng cứ lại nữa. Ngoài ra, ông cũng không có yêu cầu độc lập đối với việc giải quyết vụ án.

*** Ý kiến của ông Lê Tấn S trình bày:** Vào năm 1987 gia đình ông khai hoang diện tích khoảng 4.000 m² giáp ranh giới rừng già, có giới cận:

- Phía Đông giáp đất của ông Nguyễn Khoa P1.
- Phía Tây giáp đất của ông Trần Hương.
- Phía Nam giáp đất của ông Trần Bông.
- Phía Bắc giáp đất của ông Huỳnh Tấn Đ1.

Tại địa danh Hố Chò thuộc thôn T2, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi để làm ăn nuôi sống gia đình. Đến năm 2012, ông Nguyễn T tự ý phát rẫy của ông nên ông nhiều lần khiếu nại đến xã H, huyện N để đòi lại quyền lợi của ông nhưng không được giải quyết. Vậy nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử theo Kết luận số 1948/KL-UBND ngày 25/4/2018 và chỉ đạo của UBND tỉnh Quảng Ngãi tại Công văn số 6095/UBND-NC ngày 03/10/2017 trong đó ghi “*ban hành hủy Quyết định giao đất và thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho 14 hộ dân khu vực Hố Nghệ, Hố Thúi, Hố Hường xã H không đúng đối tượng...*” để ông có đất sản xuất. Ông đã nhiều lần đối thoại với ông Nguyễn T tại UBND xã H và UBND huyện N nên không yêu cầu Tòa án đối thoại và công khai chứng cứ lại nữa. Ngoài ra, ông cũng không có yêu cầu độc lập đối với việc giải quyết vụ án.

*** Ý kiến của ông Huỳnh Tấn Đ1:** Đã được thông báo tham gia tố tụng trong vụ án nhưng không cung cấp văn bản ý kiến, cũng như tài liệu chứng cứ gì.

Với các nội dung trên,

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ quy định tại Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 115, Điều 116, khoản 2 Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Luật đất đai năm 1993; Luật khiếu nại năm 2011; Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính; Nghị định số 163/1999/NĐ-CP ngày 16/11/1999 của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 62/2000/TTLT-BNN-TCĐC của Bộ Nông nghiệp phát triển nông thôn và Tổng cục địa chính; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính của Thanh tra Chính phủ; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T về việc hủy Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 của UBND huyện N,

tỉnh Quảng Ngãi “Về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn T”.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T. Hủy Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 06/4/2018 của Chủ tịch UBND huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi “Về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn T” và Quyết định số 2027/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi “Về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn T”.

3. Hủy một phần quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 03/7/2002 của UBND huyện N về việc giao đất lâm nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân xã H, huyện N. Đối với phần số thứ tự 05 trong Danh sách đề nghị giao đất sử dụng vào mục đích lâm nghiệp được UBND xã H lập vào ngày 26/6/2002.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, ngày 18/12/2019 ông Nguyễn T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, tuyên hủy Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 19/7/2017 của UBND huyện N và giữ nguyên Quyết định số 169/QĐ – UB ngày 03/7/2002 của UBND huyện N tỉnh Quảng Ngãi về việc giao đất lâm nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân xã H, huyện N theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, không thay đổi, bổ sung, không rút kháng cáo; các đương sự không hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án, yêu cầu Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giải quyết.

[1]. Xét nội dung kháng cáo của Người khởi kiện ông Nguyễn T yêu cầu hủy Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện N, giữ nguyên Quyết định số 169/QĐ-UB ngày 03/7/2002 của Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Ngãi về việc giao đất lâm nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

Thấy:

[1.1]. Xét về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 của UBND huyện N, tỉnh Quảng Ngãi:

Người khởi kiện là ông Nguyễn T cho rằng: Năm 1992, gia đình ông khai hoang diện tích đất tại xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi để trồng mì và đào.

Thực hiện Quyết định số 48/QĐ-UB ngày 07/9/2001 của UBND huyện N về việc cho phép Công ty TNHH M trồng rừng nguyên liệu trên địa bàn huyện N, gia đình ông đã nhận khoán trồng rừng theo chương trình đầu tư trồng rừng mới và được UBND xã H xác nhận.

Gia đình ông và Công ty TNHH M ký hợp đồng khoán trồng rừng với hộ gia đình để tiến hành khai hoang, phát dọn thực bì, trồng và chăm sóc keo.

Gia đình ông được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 876174 ngày 24/7/2002 đối với thửa đất số 30, tờ bản đồ số 12, diện tích 90.500 m² đất tại xã H, huyện N để trồng rừng.

Sau khi được cấp GCNQSDĐ gia đình ông đã hợp tác cùng ông Nguyễn T1, Nguyễn Tấn Ng để trồng keo lá tràm. Từ năm 2002, hộ gia đình ông cùng với ông T1, ông Ng đầu tư rất nhiều chi phí khai hoang, vỡ hóa, trồng keo ổn định trên diện tích đất được Nhà nước giao và không có ai tranh chấp, lấn chiếm.

Theo tài liệu có tại hồ sơ vụ án, thấy:

Tại đơn xin xác nhận ngày 29/3/2019, ông Nguyễn T, ông Nguyễn T1, ông Nguyễn Tấn Ng và tại phiên tòa sơ thẩm ông T, ông T1, ông Ng đều trình bày từ năm 1992-1993 các ông đã khai hoang chung thửa đất số 30, tờ bản đồ số 12, diện tích 90.500 m² tại xã H, huyện N để trồng rừng.

Tại Biên bản đối thoại ngày 22/12/2017, ông T trình bày các hộ gia đình bỏ nhiều chi phí đầu tư, khai hoang vỡ hóa đất trồng đào, mì. Đến năm 2001-2002 có chương trình trồng rừng nên phá mì, đào để trồng cây keo.

Biên bản làm việc ngày 13/6/2018, ông T trình bày nguồn gốc đất tranh chấp vào năm 1992 anh em ông Nguyễn T1, Nguyễn Tấn Ng phát ranh dọn thực bì diện tích khoảng 4 ha. Năm 2001-2002, thực hiện chủ trương trồng rừng tại xã H thì ông T, ông Ng, ông T1 tiếp tục khai hoang thêm khoảng 5 ha nữa.

Như vậy, thửa đất số 30, tờ bản đồ số 12, diện tích 90.500 m² tại xã H, huyện N là do 03 người, gồm: Nguyễn T, Nguyễn T1, Nguyễn Tấn Ng cùng khai hoang chung để trồng rừng. Tuy nhiên, khi thực hiện Quyết định số 48/QĐ-UB ngày 07/9/2001 của UBND huyện N về việc cho phép Công ty TNHH M trồng rừng nguyên liệu trên địa bàn huyện N, thì ông Nguyễn T đã làm Đơn xin nhận khoán trồng rừng và được UBND xã H xác nhận.

Ngày 25/12/2001 hộ ông Nguyễn T và Công ty TNHH M ký hợp đồng khoán trồng rừng.

Ngày 24/7/2002 UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 876174 đối với thửa đất số 30, tờ bản đồ 12, diện tích 90.500 m² tại xã H, huyện N cho hộ ông Nguyễn T. Trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn T ở phần ghi thêm không có ghi đồng sử dụng cho thửa đất sử dụng chung, không liệt kê tên của các đồng sử dụng khác là vi phạm khoản 1 mục III phần thứ 3 Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục Địa chính.

[1.2]. Về trình tự giao đất:

Tại Kết luận thanh tra số 1948/KL-UBND ngày 25/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi thì tại điểm d Điều 1 phần II kết quả Thanh tra nêu việc một số hộ dân trước đây do nhu cầu cuộc sống đã tự phát khai hoang và sử dụng đất trong một số năm là có thật. Tuy nhiên, do sai sót của các cơ quan tham mưu nên không xác định rõ tình trạng của người đang sử dụng đất, không ban hành Quyết định thu hồi đất trước khi giao cho người khác sử dụng đất là trái quy định của luật đất đai, dẫn đến việc tranh chấp giữa của các hộ dân, khiếu kiện kéo dài nên cần phải xem xét điều chỉnh để đảm bảo quyền lợi của người đang sử dụng đất thực tế (chi tiết theo phụ lục 04 đính kèm).

Tại bản chi tiết theo phụ lục 04 đính kèm theo Kết luận thanh tra số 1948/KL-UBND ngày 25/4/2016 của chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi và tài liệu có tại hồ sơ vụ án, hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn T không đúng trình tự, thủ tục được quy định tại điểm b, Điều 2, Điều 4 phần II Thông tư liên tịch số 62/2000/TTLT-BNN-TCĐC ngày 06/6/2000 của Bộ Nông Nghiệp và phát triển nông thôn, Tổng cục Địa chính hướng dẫn việc giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Lâm nghiệp như: Đơn xin giao đất không ghi đầy đủ thông tin, Biên bản giao đất thực địa không có đại diện cơ quan Kiểm lâm, không có chữ ký của các chủ sử dụng đất liên kế.

[1.3]. Về thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân đối với trường hợp giao đất Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Tuy nhiên, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U876174 ngày 24/7/2002 lại được ký bởi ông Phan Anh Tính - Phó Chủ tịch UBND huyện N ký thay Chủ tịch UBND huyện N là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 24 Luật đất đai năm 1993; mục IV.2 phần 1 Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục Địa chính; khoản 1 Điều 16 và khoản 1 Điều 17 Nghị định số 163/1999/NĐ-CP ngày 16/11/1999 của Chính phủ; Điều 5 mục II Thông tư số 62/2000/TTLT-BNN-TCĐC của Bộ Nông nghiệp phát triển nông thôn - Tổng cục Địa chính.

Từ các sai sót trên, ngày 19/10/2017, UBND huyện N ban hành Quyết định 294/QĐ-UBND về việc Thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất

số 30, tờ bản đồ số 12, diện tích 90.500 m², số U 876174 ngày 24/7/2002 do UBND huyện N cấp cho gia đình ông Nguyễn T là đúng pháp luật.

Nên yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T về việc Hủy Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 của UBND huyện N, tỉnh Quảng Ngãi là không có căn cứ.

Do UBND huyện N ban hành Quyết định số 169/QĐ-UB ngày 03/7/2002 của UBND huyện N về việc giao đất Lâm nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân xã H, huyện N nhưng việc giao đất cho hộ gia đình ông Nguyễn T là không đúng với quy định tại điểm b. Mục 10 phần I . QUY ĐỊNH CHUNG của Thông tư liên tịch số 62/2000/TTLT-BNN-TCĐC ngày 06/6/2000 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Tổng cục Địa chính. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm hủy một phần Quyết định số 169/QĐ-UB ngày 03/7/2002 của UBND huyện N, tỉnh Quảng Ngãi đối với việc giao đất cho hộ ông Nguyễn T tại Số thứ tự 05 trong Danh sách đề nghị giao đất sử dụng vào mục đích Lâm nghiệp là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm Người khởi kiện kháng cáo không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào mới, khác so với án sơ thẩm để làm căn cứ thay đổi các nội dung của các Quyết định trên. Nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn T. Cần giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

[2]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Người khởi kiện ông Nguyễn T, giữ nguyên án sơ thẩm. Đề nghị này là có căn cứ, đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do bị bác đơn kháng cáo nên Người khởi kiện ông Nguyễn T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Bác kháng cáo của Người khởi kiện ông Nguyễn T. Giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 06/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ: Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 115, Điều 116, khoản 2 Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai năm 1993;

Căn cứ Luật khiếu nại năm 2011;

Căn cứ Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính;

Căn cứ Nghị định số 163/1999/NĐ-CP ngày 16/11/1999 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 62/2000/TTLT-BNN-TCĐC của Bộ Nông nghiệp phát triển nông thôn và Tổng cục địa chính;

Căn cứ Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính của Thanh tra Chính phủ;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T về việc hủy Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 của UBND huyện N, tỉnh Quảng Ngãi “Về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn T”.

2. Hủy một phần quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 03/7/2002 của UBND huyện N tỉnh Quảng Ngãi về việc giao đất Lâm nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân xã H huyện N tỉnh Quảng Ngãi đối với phần Số thứ tự 05 trong Danh sách đề nghị giao đất sử dụng vào mục đích Lâm nghiệp được UBND xã H lập ngày 26/6/2002.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Người khởi kiện ông Nguyễn T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông T đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004106 ngày 26/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi (ông T đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm).

4. Các quyết định khác còn lại của Bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 21/7/2020.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND, VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Long